TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2020
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Hùng Dũng;
- Ông Lê Văn Rẽn.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trang Hoàng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên toà:*** Bà Phạm Thị Thảo Nguyên- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Kiều V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 55, Hẻm 34 đường Ngô Q, TTQ15 ấp Trường A, xã Trường T, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh Gi, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp B, xã An Th, huyện Bến C, tỉnh Tây Ninh.

Chị V có mặt, anh Gi có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2020, biên bản lấy lời khai ngày 31 tháng 7 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- chị Phan Thị Kiều V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị V đã lập gia đình, có con riêng đến năm 2010 chồng chị chết. Chị và anh Gi tự nguyện tìm hiểu, chung sống năm 2010, không

có tổ chức lễ cưới. Cuộc sống của chị và anh Gi hạnh phúc đến tháng 07/2011thì phát sinh mâu thuẫn do anh Gi có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đánh bạc, mỗi lần đánh bạc thua tiền về nhà kêu chị đưa tiền trả nợ, chị không đưa tiền thì bị anh Gi chửi và đánh đập, nên chị có trình báo Công an xã An Thạnh xử lý anh Gi, sau đó anh Gi năn nỉ về tiếp tục ở lại. Đến năm 2013 chị và anh Gi có thêm người con thứ hai nên chị và anh Gi đến UBND xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đăng ký kết hôn ngày 28/8/2018 để làm giấy khai sinh cho hai người con chung. Thời gian đầu tìm hiểu, chị không biết anh Gi sử dụng ma túy. Ở chung gia đình anh Gi được 04 tháng thì chị và anh Gi ra ngoài thuê trọ ở riêng đi làm thuê. Anh Gi tiếp tục sử dụng ma túy và bị đưa đi cai nghiện cơ sở bắt buộc. Trong thời gian anh Gi cai nghiện, chị về ở chung với mẹ chồng nhưng bị mẹ chồng xua đuổi không cho ở chung, hàng xóm thấy vậy nên cho chị ở nhờ tiện chăm sóc con nhỏ. Sau khi anh Gi cai nghiện về hòa nhập cộng đồng, chị và anh Gi chung sống đến tháng 06/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Gi nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, anh Gi dùng những lời lẽ xúc phạm, hâm dọa giết chị, vì hoảng sợ nên chị bỏ nhà đi ly thân đến nay. Từ ngày ly thân, chị và anh Gi không liên lạc và gặp nhau, nên không có giải pháp đoàn tụ được, xét thấy tình cảm đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị V giữ yêu cầu ly hôn với anh Gi.

Về con chung: Chị V và anh Gi chung sống có hai người con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 21- 7- 2011 và Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 28- 7- 2013 hiện đang ở chung với anh Gi. Nay ly hôn, anh Gi yêu cầu nuôi hai người con chung, cũng như nguyện vọng của hai con chung muốn sống chung với anh Gi nên chị tôn trọng, đồng ý giao con chung T và Đ cho anh Gi tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị V trình bày không có.

Bị đơn- anh Nguyễn Thanh Gi có đơn xin vắng mặt, nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 7 năm 2020 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống đăng ký kết hôn, xảy ra mâu thuẫn và sử dụng ma túy đưa đi cai nghiện đúng như chị V trình bày. Đến tháng 02/2020 anh được hòa nhập cộng đồng về chung sống với chị V. Cuộc sống hạnh phúc đến tháng 05/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau về tình cảm, thường không có tiếng nói chung, xảy ra nhiều nghi ngờ trong hôn nhân do chị V ngoại tình nên anh đánh, hâm dọa chị V bỏ nhà đi và ly thân từ tháng 06/2020 đến nay. Từ ngày ly thân, anh không

liên lạc chị V được, nên không có giải pháp đoàn tụ. Nay chị V yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, vì anh còn yêu và tình cảm với chị V. Trường hợp chị V kiên quyết ly hôn, thì anh đồng ý ly hôn chị V.

Về con chung: Anh Gi trình bày thống nhất như chị V. Khi ly hôn, anh Gi yêu cầu nuôi hai người con chung, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Gi không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh Gi trình bày không có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên Tòa trình bày:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, có mặt đúng theo thời gian quy định. Riêng bị đơn có đơn xin vắng mặt xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tung dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị Kiều V, chị V được quyền ly hôn với anh Nguyễn Thanh Gi. Về con chung giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Thanh Đ cho anh Gi tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung do anh Gi không yêu cầu chị V có nghĩa vụ nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung chị V và anh Gi không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung chị V và anh Gi trình bày không có nên không đưa ra xem xét. Về án phí chị V phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo pháp luật quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Thanh Gi có địa chỉ ấp Bến, xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Gi có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa ra xét xử vắng mặt anh Gi quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Gi là vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28 tháng 8 năm 2018. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Gi là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Hai anh chị tự nguyện chung sống từ năm 2010 hạnh phúc, đến tháng 07 năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh Gi đánh bạc, sử dụng ma túy và đánh đập chị V. Đến tháng 12/2018 anh Gi đưa đi cai nghiện chấp hành xong hòa nhập cộng đồng về chung sống lại với chị V, nhưng anh Gi không thay đổi. Đến tháng 06/2020 chị và anh Gi tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, do không tin tưởng nhau về tình cảm, anh Gi đánh và hâm dọa nên chị V hoan mang lo sợ, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hai anh chị ly thân từ tháng 06 năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị V và anh Gi không có giải pháp đoàn tụ. Qua lời trình bày của chị V tại phiên tòa, cũng như biên bản lấy lời khai của anh Gi phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Do đó, hôn nhân giữa chị V và anh Gi đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V đối với anh Gi.

[3] Về con chung: Chị V và anh Gi có hai người con chung tên Nguyễn Thị Thanh Tiền, sinh ngày 21- 7- 2011 và Nguyễn Thanh Đô, sinh ngày 28- 7- 2013 hiện anh Gi đang nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu T và Đ có nguyện vọng được sống chung anh Gi, anh Gi yêu cầu được nuôi hai người con chung và chị V đồng ý, nên cần giao cháu T và Đ cho anh Gi tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Bởi vì, cả hai anh chị đều tôn trọng theo nguyện vọng của con chung, cũng như hai cháu có nguyện vọng được sống chung với anh Gi, để đảm bảo nhu cầu về vật chất, tinh thần, tâm sinh lý đứa trẻ và quyền lợi của con chung nên giao cháu T, cháu Đ cho anh Gi tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là cần thiết, phù hợp theo qui định của pháp luật.

Anh Gi vắng mặt nhưng trong lời khai trình bày là yêu cầu được nuôi hai người con, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, ghi nhận anh Gi không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị V và anh Gi không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị V và anh Gi trình bày không có, nên không xem xét.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Tòa án, nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị V phải chịu tiền án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phan Thị Kiều V. Chị V được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Gi.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 21- 7- 2011 và Nguyễn Thanh Đ, sinh ngày 28- 7- 2013 cho anh Gi tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh Gi không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phan Thị Kiều V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị V và anh Gi không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị V và anh Gi trình bày không có, nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phan Thị Kiều V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0014259 ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Chị V đã nộp xong tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Anh Nguyễn Thanh Gi không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị V có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Anh Gi có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh huyện Bến Cầu nơi anh Gi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã An Thạnh, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Mai